

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/DS-PT

Ngày 20/12/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Viết Toàn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Tiến Dũng
2. Bà Đinh Thị Như Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Đ:* Ông Đoàn Quang H, sinh năm 1973; địa chỉ: H, xã C, huyện E, huyện Đăk Lăk. (Theo Giấy ủy quyền số 24; quyền số 01/2023-SCT/CK. ĐC ngày 13/11/2023). (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1966. Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện tại: Thôn R (trước đây là thôn K), xã P, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố U, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. (Theo Giấy ủy quyền số 119/2023; quyền số 01/2023-SCT/CK. ĐC ngày 13/12/2023). (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1. Nguyên đơn ông Huỳnh Đ trình bày:

Bà Phan Thị T (tên thường gọi là T) là chủ Doanh nghiệp tư nhân T (không có đăng ký kinh doanh) chuyên mua bán nông sản trên địa bàn xã P, huyện I, tỉnh Gia Lai. Bà T có một Trạm cân điện tử và sân kho đặt tại Thôn U, xã P, huyện I (đường đi huyện M, cách ngã ba K khoảng 200m). Giữa ông Huỳnh Đ và bà Phan Thị T có quan hệ quen biết và làm ăn, mua bán tài sản (củ mỳ) với nhau từ năm 1998 đến năm 2021. Do hai bên đã mua bán với nhau trong thời gian dài nên rất tin tưởng lẫn nhau, việc thỏa thuận mua bán tài sản với nhau không được lập thành hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng.

Về hình thức làm ăn, mua bán với nhau là ông Đ đứng ra thu mua gom củ mỳ của người dân trên địa bàn xã sau đó bán lại cho bà T tại bàn cân của bà T. Mỳ có thể được gia đình ông Đ trực tiếp sản xuất ra hoặc được ông Đ thu mua của người dân sau đó tập kết thành đồng để tiện cho việc vận chuyển, nếu số lượng nhiều thì bà T sẽ đưa xe hoa mai và máy xúc của gia đình bà T đến xúc củ mỳ lên xe chở về bàn cân của bà T để cân (xe do người nhà bà T lái), nếu khối lượng ít thì ông Đ dùng xe độ của gia đình hoặc thuê xe công nông của người đồng bào chở về bàn cân của bà T. Sau khi cân mỳ tại bàn cân của bà T thì bà T sẽ xuất phiếu cân xe theo từng xe để làm căn cứ thanh toán tiền với ông Đ. Mỳ sau khi cân được đổ xuống bãi tập kết tại sân kho của bà T ngay cạnh bàn cân, sau đó bà T bán lại cho các thương lái khác. Giá cả mua bán do hai bên thỏa thuận theo giá của thị trường tại thời điểm cân mỳ. Việc thanh toán tiền trên cơ sở phiếu cân xe nên phiếu cân xe có đầy đủ các thông tin về loại hàng, tên khách hàng, trọng lượng mỳ, trọng lượng xe, ngày cân, đơn giá, thành tiền (số tiền phải thanh toán),...

Về hình thức thanh toán: Thông thường đối với xe có trọng lượng lớn thì sau khi cân mỳ xong bà T sẽ thanh toán luôn bằng tiền mặt, cũng có thể thanh toán sau 4 đến 5 ngày kể từ khi xuất phiếu cân xe. Còn đối với xe nhỏ có trọng lượng từ 4 đến 5 tấn/xe như xe cọc cách độ chế, xe công nông thì hai bên thống nhất dồn nhiều phiếu thanh toán một lần (mỗi lần từ 4 đến 5 phiếu cân). Ban đầu bà T thanh toán tiền rất sòng phẳng và đầy đủ nên hai bên rất tin tưởng nhau, các phiếu cân xe đã được thanh toán thì bà T đều đóng dấu “DNTN T ĐÃ TRẢ TIỀN” vào giữa phiếu để phân biệt với các phiếu chưa trả tiền.

Tuy nhiên đến tháng 3 và tháng 4 năm 2021 thì có 05 phiếu cân xe bà T đã mua mỳ nhưng chưa thanh toán tiền cho ông Đ, cụ thể:

- Phiếu cân xe ngày 28/3/2021 ông Đ bán cho bà T 1.766 kg củ mỳ khô, giá 5.200 đồng/kg, thành tiền là 9.183.200 đồng.
- Phiếu cân xe ngày 30/3/2021 ông Đ bán cho bà T 1.574 kg củ mỳ tươi, giá 5.200 đồng/kg, thành tiền là 8.184.800 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà T 7.850 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 41.605.000 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà T 9.330 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 49.449.000 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà T 8.163 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 43.263.000 đồng.

Tổng số tiền mỳ bà Phan Thị T còn nợ là 151.685.900 đồng. Ông Đ đã đi đòi nhiều lần nhưng bà T không chịu trả.

Nay ông Huỳnh Đ yêu cầu bà Phan Thị T phải trả tổng số tiền mua mỳ theo 05 phiếu cân xe còn nợ là 151.685.900 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

1.2. Bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà T cho rằng đơn khởi kiện của ông Huỳnh Đ là không đủ điều kiện để Tòa án thụ lý bởi vì ông Đ khởi kiện cung cấp chứng cứ là bản phô tô 05 phiếu cân xe, phiếu cân xe chỉ thể hiện giao dịch dân sự mỗi lần cân tối đa là 100.000 đồng, tổng cộng ước tính khoảng gần 500.000 đồng, số tiền này bên yêu cầu cân hàng phải thanh toán cho bà T xong họ giữ để đi giao trọng lượng hàng cho khách. Để đòi bà T thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 168.309.900 đồng theo yêu cầu khởi kiện thì ông Đ phải có nghĩa vụ chứng minh có giao dịch, giao kết dân sự với bà T đúng với số tiền khởi kiện. Bà T yêu cầu Tòa án kiểm tra lại tính pháp lý đối với nội dung đơn khởi kiện của ông Đ. Do đó bà T không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đơn khởi kiện của ông Đ.

2. Giải quyết của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ đối với bà Phan Thị T.

Buộc bà Phan Thị T phải trả cho ông Huỳnh Đ tổng số tiền 188.994.058 đồng, trong đó: Số tiền mua mỳ còn nợ là 151.685.900 đồng (một trăm năm

mười một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 37.308.158 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm năm mươi tám đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

3. Về kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 10 tháng 10 năm 2023, bị đơn bà Phan Thị T có đơn kháng cáo về toàn bộ nội dung bản án và đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Nguyên đơn ông Huỳnh Đ không kháng cáo.

- Bản án không bị kháng nghị.

4. Diễn biến tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy bản án cấp sơ thẩm.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bà T chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Về xác định tư cách tham gia tố tụng thấy rằng bà Phan Thị T là chủ hộ kinh doanh do một mình cá nhân bà T đăng ký kinh doanh quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà Phan Thị T là chưa chính xác, mà phải xác định bà Phan Thị T – Chủ hộ kinh doanh Phan Thị T là bị đơn trong vụ án. Tuy nhiên sai sót của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án do đó cần rút kinh nghiệm.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai cũng đã thực hiện thủ tục tố tụng tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị T đầy đủ, tiến hành niêm yết, xác minh nơi ở của bà T là thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, nhưng bà T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị T.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn là bà Phan Thị T - Chủ hộ kinh doanh Phan Thị T yêu cầu hủy bản án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Quá trình xác minh thể hiện:

Bà Phan Thị T là chủ hộ kinh doanh do một mình cá nhân bà T đăng ký kinh doanh, bà T có chồng là ông Nguyễn Văn T, thường gọi là “T”. Đối với chữ DNTN T thể hiện trong các phiếu cân hàng là do bà T tự khắc dấu, trên thực tế bà T không có thành lập DNTN T. Bà T làm nghề mua bán nông sản trên địa bàn huyện I, chủ yếu là xã P. Trạm cân đặt và mặt bằng sân kho đặt tại thôn U, xã P, huyện I, tỉnh Gia Lai là của bà T nhằm phục vụ cho việc cân và mua bán hàng nông sản. Việc mua bán nông sản diễn ra tại trạm cân của bà T, sau khi cân xong thì bà T xuất phiếu cân xe, giá cả hai bên thỏa thuận tại thời điểm mua bán và được thể hiện trên phiếu cân cùng với trọng lượng hàng và số tiền phải thanh toán. Bà T thanh toán tiền mua nông sản cho người dân trên cơ sở phiếu cân xe do trạm cân của bà T xuất ra. Các phiếu cân xe đều có đóng dấu “PHAN THỊ T, K A-P-I-Gia Lai, ĐT: 0984.608.573” thể hiện thông tin họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của bà T trong việc mua bán nông sản. Trường hợp đã thanh toán tiền thì trên phiếu cân xe được đóng dấu “DNTN T ĐÃ TRẢ TIỀN”.

[2.2] Tại cấp sơ thẩm ông Huỳnh Đ đã cung cấp 09 phiếu cân xe (bản gốc) thể hiện số tiền mà bà T đã mua mỳ của ông Đ, trong đó có 04 phiếu cân đã thanh toán tiền được đóng dấu “DNTN T ĐÃ TRẢ TIỀN” và 05 phiếu cân xe ông Đ cho rằng bà T chưa thanh toán tiền, đều thể hiện: Loại hàng: Mì khô hoặc củ mỳ tươi; tên khách hàng: Bác Đ; số xe; trọng lượng xe và hàng; trọng lượng xe; trọng lượng hàng; trọng lượng trừ bì; tạp chất; trọng lượng thực tế; ngày giờ; kiểu cân: Nhập hàng; đơn giá và thành tiền cụ thể:

- Phiếu cân xe ngày 28/3/2021 ông Đ bán cho bà T 1.766 kg củ mỳ khô, giá 5.200 đồng/kg, thành tiền là 9.183.200 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 30/3/2021 ông Đ bán cho bà T 1.574 kg củ mỳ tươi, giá 5.200 đồng/kg, thành tiền là 8.184.800 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà T 7.850 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 41.605.000 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà T 9.330 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 49.449.000 đồng.

- Phiếu cân xe ngày 07/4/2021 ông Đ bán cho bà T 8.163 kg củ mỳ khô, giá 5.300 đồng/kg, thành tiền là 43.263.000 đồng.

Tổng cộng còn nợ, chưa thanh toán là 151.685.900 đồng.

[2.3]. Bà T cho rằng tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản phô tô 05 phiếu cân xe thể hiện giao dịch dân sự giữa bên cân là bà T và bên yêu cầu cân là ông Đ, chi phí mỗi lần cân tối đa là 100.000 đồng, tổng cộng ước tính khoảng gần 500.000 đồng là số tiền bên yêu cầu (ông Đ) phải thanh toán cho bà T sau khi cân xong. Lời trình bày của bà T là không phù hợp vì bà T hành nghề mua bán nông sản ở địa phương, có trạm cân và sân kho phục vụ cho việc kinh doanh của bà, nội dung các phiếu cân xe nêu trên đều phù hợp với công việc mua bán nông sản hàng ngày của bà T. Ngoài ra các phiếu cân đều thể hiện các thông tin về tên khách hàng: Bác Đ; kiểu cân là: **Nhập hàng**; đơn giá (giá mua

bán) và thành tiền (số tiền cụ thể phải thanh toán cho người bán)...và nội dung đã thanh toán đều thể hiện “DNTN T ĐÃ TRẢ TIỀN”.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà T làm nghề mua bán nông sản, bà T có mua nông sản của ông Đ rất nhiều lần; Trong đó có 05 phiếu cân xe mà ông Đ đã cung cấp cho Tòa án, thể hiện bà T chưa thanh toán cho ông Đ số tiền ông Đ đã cân hàng nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Đ buộc bị đơn bà Phan Thị T phải thanh toán tiền mua nông sản là 151.685.900 đồng (05 phiếu cân xe) và tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án và đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, nhưng không đưa ra các tài liệu, chứng cứ để chứng minh và lập luận có tính thiết phục, đề HĐXX cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Phan Thị T - Chủ hộ kinh doanh Phan Thị T nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phan Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị T – Chủ hộ kinh doanh Phan Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng Khoản 3 Điều 40, các điều 116, 117, 119, 122, 123, 274, 275, 280, 351, 430, 433, 434, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ.

Buộc bà Phan Thị T – Chủ hộ kinh doanh Phan Thị T phải trả cho ông Huỳnh Đ tổng số tiền 188.994.058 đồng, gồm:

- Số tiền mua mỳ còn nợ là 151.685.900 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm đồng*);

- Tiền lãi chậm thanh toán là 37.308.158 đồng (*Ba mươi bảy triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm năm mươi tám đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phan Thị T – Chủ hộ kinh doanh Phan Thị T phải nộp số tiền 9.449.702 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, để sung vào công quỹ Nhà nước.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị T – Chủ hộ kinh doanh Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000798 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Ia Pa;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Pa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Viết Toàn